

TP. Thái Bình, ngày 16 tháng 12 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC DÂN SỰ
V/v Tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THÁI BÌNH, TỈNH THÁI BÌNH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Phụng

Thư ký phiên họp: Bà Đỗ Thị Lan Hương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình tham gia phiên họp: Ông Lương Duy Long - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc dân sự thụ lý số: 24/2024/TLST-LĐ ngày 07 tháng 11 năm 2024 về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc dân sự số 22/2024/QĐST-LĐ ngày 02 tháng 12 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

Chị Phạm Thị Thu T, sinh năm 1993.

Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

2.1. Công ty TNHH M1 (trước đây là: Công ty TNHH M2). Địa chỉ: Đường T, Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện công ty: Ông DU LI PING, sinh năm 1980, Quốc tịch Trung Quốc; hiện cư trú: Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo uỷ quyền: Chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1995 – Trưởng phòng nhân sự; trú tại: Xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

2.2 Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Địa chỉ: Số G, đường L, phường L, thành phố T, tỉnh Thái Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Phạm Quốc T1 - Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T; Người đại diện theo uỷ quyền: Ông Mạc Thanh H1 – Phó Giám đốc Bảo hiểm xã hội tỉnh T.

2.3. Chị Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990

Quê quán: Xã P, huyện V, tỉnh Thái Bình

Nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Bình.

(Chị T, chị D, ông H1, chị H đều vắng mặt và có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

- Tại đơn yêu cầu giải quyết việc dân sự và bản tự khai, chị Phạm Thị Thu T trình bày:

Tháng 03/2009, chị T ký hợp đồng lao động với công ty TNHH M2, địa chỉ: Đường T, Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là công ty TNHH M1), công việc chính của chị là công nhân may. Tuy nhiên, do khi đó chị T thiếu hiểu biết pháp luật và không đủ tuổi lao động nên chị T đã mượn chứng minh nhân dân và giấy tờ của chị Dương Thị D, sinh năm 1990 (là hàng xóm gần nhà chị T) để ký hợp đồng lao động và đóng bảo hiểm xã hội. Như vậy trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động với Công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010, mặc dù bản thân chị T là người trực tiếp làm việc và tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH M2 nhưng lại dưới họ tên là Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990, mã số sổ BHXH là 3410001000.

Sau đó từ tháng 4/2010, chị T tiếp tục ký hợp đồng lao động với công ty TNHH M2 nhưng với đúng họ tên chính xác của chị là Phạm Thị Thu T, sinh năm 1993 và có đóng bảo hiểm xã hội với tên Phạm Thị Thu T. Đến khoảng tháng 02/2012, chị T nghỉ việc tại công ty TNHH M2 nhưng chưa làm thủ tục lấy sổ Bảo hiểm xã hội.

Do đó chị T khẳng định chị mới là người ký hợp đồng lao động, đóng bảo hiểm xã hội và làm việc tại công ty TNHH M2 trong thời gian: từ tháng 03/2009 đến tháng 3/2010. Còn chị Dương Thị D chưa từng làm việc tại công ty trên. Bởi từ tháng 7/2009 đến tháng 6/2012 chị D làm việc công nhân lắp ráp tại Công ty TNHH B. Braun Việt Nam, Hà Nội và tham gia BHXH từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012; số sổ BHXH: 0111026370, họ và tên: Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990; số chứng minh nhân dân: 151795005, cấp ngày 02/10/2008.

Do đó chị Phạm Thị Thu T đề nghị Toà án nhân dân thành phố Thái Bình, tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Phạm Thị Thu T (lấy tên là Dương Thị D) và công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị điều chỉnh tên trên mã số bảo hiểm xã hội: 3410001000 từ Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990; CMND số 151795005 sang Phạm Thị Thu T, sinh ngày 14/5/1993.

- Tại đơn đề nghị vắng mặt ngày 16/11/2024, người đại diện theo uỷ quyền của Công ty TNHH M1 (trước đây là: Công ty TNHH M2) trình bày:

Công ty TNHH M1 trước đây tên là Công ty TNHH M2 (MST 1000413094), từ ngày 07/08/2017 chính thức đổi tên thành Công ty TNHH M1. Sau đó đến ngày 16/12/2021 đổi tên công ty từ công ty TNHH M1 sang thành Công ty TNHH M1.

Đối với dữ liệu về Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M2 và chị Dương Thị D trong khoảng thời gian từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010, do hiện nay người lao động đã nghỉ việc tại công ty trên 10 năm, đã vượt quá quy định về thời gian lưu giữ hồ sơ, vì vậy, hiện tại phía công ty không còn lưu trữ Hợp đồng lao động của công nhân trên để cung cấp cho phía Tòa án theo như yêu cầu.

Về số tiền bảo hiểm công ty TNHH M2 đã đóng cho chị Dương Thị D trong khoảng thời gian từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010, đề nghị Tòa án làm việc với cơ quan Bảo hiểm xã hội tỉnh T để Cơ quan Bảo hiểm xã hội xác nhận, cung cấp thông tin số tiền cho chính xác.

- Tại công văn số 2799/BHXXH – QLTST ngày 18/11/2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Bảo hiểm xã hội (BHXXH) tỉnh Thái Bình trình bày:

Bà Dương Thị D, sinh ngày 19/05/1990, mã số BHXH 3410001000 có thời gian đóng BHXH, BHYT, BHTN từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010 là 01 năm 01 tháng tại Công ty TNHH M3 (nay là Công ty TNHH M1), do BHXH tỉnh quản lý thu.

Tổng số tiền Công ty TNHH M3 đã đóng BHXH, BHYT, BHTN cho bà Dương Thị D là 3.669.100 đồng, trong đó người sử dụng lao động đóng 2.623.500 đồng, người lao động đóng 1.045.600 đồng.

Việc cung cấp Hợp đồng lao động ký kết giữa Công ty TNHH M3 với bà Dương Thị D từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010:

Do thời gian đã lâu, chuyển kho lưu trữ hồ sơ nhiều lần, gặp mưa bão dẫn đến hồ sơ bị ẩm mốc, mỗi một nên hiện nay BHXH tỉnh không lưu giữ HĐLĐ của người lao động, đề nghị Tòa án liên hệ với Công ty TNHH M1 hoặc cá nhân bà Dương Thị D để có HĐLĐ của bà Dương Thị D.

Việc bà Phạm Thị Thu T trình bày sử dụng hồ sơ của bà Dương Thị D để giao kết HĐLĐ và đóng BHXH, BHYT, BHTN; nay bà Phạm Thị Thu T đề nghị Tòa án thành phố T tuyên bố HĐLĐ ký kết giữa bà Phạm Thị Thu T (bằng tên của bà Dương Thị D) với Công ty TNHH M3 trong khoảng thời gian từ tháng 03/2009 đến tháng 03/2010 vô hiệu, BHXH tỉnh đề nghị TAND thành phố Thái Bình xử lý theo quy định của Pháp luật.

- Tại bản tự khai ngày 07/11/2024, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là chị Dương Thị D trình bày:

Do là chị em hàng xóm với nhau nên đầu tháng 2 năm 2009, chị Phạm Thị Thu T có mượn của chị 01 chứng minh nhân dân số 151795005, cấp ngày 02/10/2008, tên Dương Thị D và thông tin cá nhân của chị để chị T xin đi làm tại công ty TNHH M2. Do không hiểu biết pháp luật nên chị đã nhất trí cho chị T mượn giấy tờ của mình.

Tháng 03/2009, chị Phạm Thị Thu T đã ký hợp đồng lao động với công ty TNHH M2, địa chỉ: Đường T, Khu Công nghiệp P, thành phố T, tỉnh Thái Bình (nay là công ty TNHH M1), công việc chính là công nhân may dưới họ tên của chị là Dương Thị D. Như vậy trong thời gian thực hiện hợp đồng lao động với công ty M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010, mặc dù chị T là người trực tiếp làm việc tại công ty M2 và tham gia bảo hiểm xã hội nhưng lại dưới họ tên của chị là Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990, sổ BHXH số 3410001000.

Chị D khẳng định bản thân chị chưa từng làm việc tại công ty trên. Bởi từ tháng 7/2009 đến tháng 6/2012 chị (sử dụng đúng họ tên và thông tin của mình) đã ký hợp đồng lao động và làm công nhân lắp ráp tại công ty TNHH B, Hà Nội; địa chỉ: A, Đê L, quận Đ, Tp . (sau đó có chuyển địa chỉ ở ngoại thành) và tham gia BHXH từ tháng 7/2009 đến tháng 12/2012; sổ sổ BHXH: 0111026370, họ và tên: Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990; số chứng minh nhân dân: 151795005, cấp ngày 02/10/2008.

Do đó chị D đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, chấp nhận đơn yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị Phạm Thị Thu T (dưới tên Dương Thị D) và công ty TNHH M2 thời gian từ tháng 3/2009 đến tháng 3/2010 là vô hiệu và giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu theo quy định của pháp luật, đề nghị điều chỉnh tên trên sổ bảo hiểm số sổ: 3410001000 từ Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990; CMND 151795005 sang Phạm Thị Thu T, sinh ngày 14/5/1993.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Đề nghị Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình căn cứ vào Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 16, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án: Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu T, đề nghị Tòa án tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Phạm Thị Thu T (lấy tên trên hồ sơ lao động và mã số Bảo hiểm xã hội là Dương Thị Thị D) và công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010 là vô hiệu. Giao cho các cơ quan chức năng có liên quan điều chỉnh hồ sơ cho phù hợp để đảm bảo, giải quyết quyền và lợi ích hợp pháp cho người lao động. Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng và thời hiệu yêu cầu: Người yêu cầu gửi đơn yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 33 Bộ luật Tố tụng dân sự. Người lao động ký Hợp đồng lao động với và công ty TNHH M2 (nay là công ty TNHH M1), công ty có địa chỉ trụ sở tại thành phố T, tỉnh Thái Bình. Căn cứ điểm v khoản 2 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, việc yêu cầu tuyên bố Hợp đồng lao động vô hiệu thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Thái Bình, tỉnh Thái Bình.

Về thời hiệu yêu cầu: Chị Phạm Thị Thu T yêu cầu Toà án tuyên bố hợp đồng lao động ký giữa chị (Hợp đồng mang tên Dương Thị D) và công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010 vô hiệu do bị lừa dối (vi phạm nguyên tắc trung thực). Theo quy định tại Điều 132 Bộ luật Bộ luật dân sự năm 2015 thì thời hiệu yêu cầu là 02 năm kể từ ngày bị lừa dối hoặc phải biết giao dịch được xác lập do bị lừa dối. Tuy nhiên do các đương sự không yêu cầu áp dụng thời hiệu, nên yêu cầu của chị T không bị coi là hết thời hiệu yêu cầu.

[2] Xét thấy việc chị Phạm Thị Thu T mượn chứng minh nhân dân của chị Dương Thị D để ký hợp đồng lao động với công ty TNHH M2 là hành vi vi phạm nguyên tắc “trung thực” theo quy định tại khoản 1 Điều 17 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 1 Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019 và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Bộ luật lao động năm 2012; khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật Lao động năm 2019, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, do đó yêu cầu của chị Phạm Thị Thu T là phù hợp pháp luật và cần được chấp nhận tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa chị Phạm Thị Thu T (lấy tên trên hồ sơ lao động và mã số Bảo hiểm xã hội là Dương Thị D) và công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010 là vô hiệu.

[3] Đối với yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu: Căn cứ khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ: Xét thấy mặc dù có sự lừa dối khi ký hợp đồng lao động giữa chị T (hồ sơ mượn tên chị Dương Thị D) với công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010 nhưng trên thực tế chị T có làm việc tại công ty trong thời gian kể trên, có đóng bảo hiểm xã hội và quá trình làm việc công ty có đóng bảo hiểm cho chị T (mang tên chị Dương Thị D, mã số BHXH 3410001000). Do vậy chị T, chị D có quyền liên hệ với Bảo hiểm

xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin BHXH từ Dương Thị D thành Phạm Thị Thu T.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 17, Điều 19, Điều 50 Bộ luật Lao động năm 2012; Điều 15, Điều 16, Điều 19, Điều 49, Điều 50, Điều 51 Bộ luật Lao động 2019; Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Phạm Thị Thu T.
2. Tuyên bố Hợp đồng lao động ký giữa chị Phạm Thị Thu T (lấy tên trên hồ sơ lao động và mã số Bảo hiểm xã hội 3410001000 là Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990) và công ty TNHH M2 từ tháng 3/2009 đến hết tháng 3/2010 vô hiệu.
2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân trên mã số Bảo hiểm xã hội 3410001000 từ Dương Thị D, sinh ngày 19/5/1990 thành Phạm Thị Thu T, sinh ngày 14/5/1993. Chị Phạm Thị Thu T và chị Dương Thị D có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân trên mã số BHXH từ Dương Thị D thành Phạm Thị Thu T.
3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Phạm Thị Thu T phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị T đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000751 ngày 07/11/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.
4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Phạm Thị Thu T, chị Dương Thị D, Bảo hiểm xã hội tỉnh T, công ty TNHH M2 (nay là công ty TNHH M1) có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

LÊ THỊ PHƯỢNG

Căn cứ Điều 33, điểm v khoản 2 Điều 39, Điều 372, khoản 1 Điều 149 Bộ luật Tổ tụng dân sự 2015; Điều 117, Điều 127 Bộ luật Dân sự; khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, điểm b khoản 1 Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019, Điều 10 Nghị định 145/2020/NĐ-CP ngày 14/12/2020 của Chính phủ; khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của chị Trịnh Thị Thu M.
2. Tuyên bố hợp đồng lao động đã ký giữa Công ty trách nhiệm hữu hạn Q và chị Trịnh Thị Thu M (lấy tên là Trịnh Thị H2) trong thời gian từ tháng 01 năm 2010 đến tháng 03 năm 2011 là vô hiệu.
2. Giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu: Điều chỉnh thông tin nhân thân số sổ bảo hiểm xã hội TZ55559175 từ Trịnh Thị H2, sinh ngày 13/02/1991, số chứng minh nhân dân 151837141 do Công an tỉnh T cấp ngày 25/02/2006 thành Trịnh Thị Thu M, sinh ngày 18/7/1994, căn cước công dân số 034194016258 do Cục cảnh sát quản lý hành chính về trật tự xã hội cấp ngày 04/01/2024. Chị Trịnh Thị H2 và chị Trịnh Thị Thu M có quyền liên hệ với Bảo hiểm xã hội tỉnh T để làm thủ tục điều chỉnh thông tin nhân thân từ Trịnh Thị H2 thành Trịnh Thị Thu M.
3. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc dân sự: Chị Trịnh Thị Thu M phải chịu 300.000 đồng lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm. Chuyển số tiền 300.000 đồng chị M đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001242 ngày 25/4/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thái Bình thành tiền lệ phí.
4. Quyền kháng cáo, kháng nghị: Chị Trịnh Thị Thu M, chị Trịnh Thị H2, Bảo hiểm xã hội tỉnh T, công ty TNHH Q có quyền kháng cáo quyết định trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định này trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:

Thẩm phán - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

- VKSND TP. Thái Bình;
- Người yêu cầu;
- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

Lê Thị Phụng